

Số: 19/2021/QĐST-HNGĐ

Hòa Vang, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “*Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*” của người yêu cầu:

- Ông Lê Hữu Phương N, sinh năm 1996 và bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016 ngày 21.7.2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn T, xã T, huyện T, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa ông N và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiền nói chung. Tại phiên hòa giải ngày 25.02.2021, ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H đều xác định mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung được nên ông bà thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: Ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H xác định có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận: Ông Lê Hữu Phương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Nguyên K, sinh ngày 10.10.2016; bà Bùi Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Bùi Ngọc K, sinh ngày 14.9.2019. Ông N và bà H không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008124 ngày 25.02.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[6] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải lập ngày 25 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do đó căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành về thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Lê Hữu Nguyên K, sinh ngày 10.10.2016 cho ông Lê Hữu Phương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Lê Bùi Ngọc K, sinh ngày 14.9.2019 cho bà Bùi Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N và bà H không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008124 ngày 25.02.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Hữu Phương N và bà Bùi Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Nam